TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:10/2020/HNGĐ-ST Ngày 14-7-2020 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông V Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Thương

Bà Phạm Thị Hằng

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Ngọc Tiến - Thẩm tra viên Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 36/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 326/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 371/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đồng Thị C, nơi cư trú: Tổ 16, khu P, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, nơi cư trú: Tổ 16, khu P, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Đồng Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Kiến Thụy (nay là phường H, quận D), thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng

có nhiều bất đồng trong vấn đề kinh tế gia đình, không tin tưởng nhau trong quan hệ T cảm. Chị và anh T đã hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Phạm Trung K, sinh ngày 28-4-2001 (đã trưởng thành) và Phạm Trung V, sinh ngày 30-10-2004. Hiện tại cháu nhỏ là Phạm Trung V vẫn ăn ở ổn định tại nhà cùng anh T, chị thường xuyên phải đi làm xa nên chị đề nghị giao con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, hai vợ chồng tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19-5-2020, bị đơn là anh Phạm Văn T trình bày: Thống nhất với nội dung trình bày của chị C về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng mâu thuẫn. Anh không muốn ly hôn vì sợ ảnh hưởng tới gia đình và các con. Nếu chị C cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, con lớn là Phạm Trung K đã trưởng thành, anh đề nghị được nuôi cháu nhỏ là Phạm Trung V, vấn đề cấp dưỡng nuôi con hai vợ chồng tự thỏa thuận. Về tài sản chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận.

Tòa án đã tiến hành xác minh về mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương nơi chị C và anh T sinh sống, xác định: Hiện nay, chị C và anh T đều cư trú tại khu P, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, chị C và anh T có xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng và gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị C thường xuyên đi làm xa, nên vợ chồng gần như sống ly thân. Chị C và anh T có 02 con chung, hiện tại đang ăn học ổn định tại gia đình anh T. Con chung là Phạm Trung V cũng có đơn thể hiện nguyện vọng được tiếp tục ở với anh T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị C và anh T không hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị C vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị ly hôn anh T. Về con chung, chị đề nghị giao cháu Phạm Trung V cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, vợ chồng tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị C được ly hôn anh T. Về con chung: Chấp nhận đề nghị của chị C, giao cho anh T trực tiếp nuôi con chung là Phạm Trung V,

hai vợ chồng tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung vợ chồng, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Đồng Thị C có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn với anh T cư trú tại phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử và tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa lần thứ hai và tống đạt hợp lệ cho anh T nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo thủ tục chung.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Đồng Thị C và anh Phạm Văn T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ tại nơi chị C và anh T cư trú xác định: Chị C và anh T có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019, hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành, hiện tại anh chị đã sống ly thân. Chị C làm đơn ly hôn, anh T tuy không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có giải pháp gì để vợ chồng hòa giải và đoàn tụ. Tòa án đã tiến hành hòa giải hai lần nhưng không thành. Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Như vậy, có thể thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị C về việc xin ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

- Về con chung:

[4] Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Trung K, sinh năm 2001, đã trưởng thành nên không phải xem xét giải quyết, chị C đề nghị giao cháu Phạm Trung V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy, qua xác minh tại nơi anh T cư trú, qua đơn đề nghị của cháu Phạm Trung V thấy: Hiện tại cháu Phạm Trung V đang ăn ở, học tập, sinh hoạt ổn định tại gia đình anh T, các điều kiện nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc các cháu đều đảm bảo, chị C thường xuyên đi làm xa nhưng vẫn quan tâm chăm sóc con chung. Yêu cầu của chị C về việc giao con chung là Phạm Trung V cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp và nguyện vọng của con, phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, cần giao con chung là Phạm Trung V cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận nên không phải xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung:

[5] Chị Đồng Thị C và anh Phạm Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Chị Đồng Thị C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[7] Chị Đồng Thị C và anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 28, điều 35, điều 39, điều 147, điều 207, điều 227, điều 228 và điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị C được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Trung V, sinh ngày: 30-10-2004 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đồng Thị C phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí tòa án đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2014/0014358 ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố Hải Phòng. Chị C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đồng Thị C có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND quận D;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- TANDTP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND phường H (ĐKKH số 26/2001);
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

V Văn Thắng